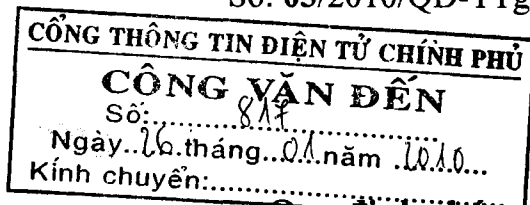


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2010



QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Thủy lợi là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi; quản lý, chỉ đạo các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

2. Tổng cục Thủy lợi có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, tài khoản riêng, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp, trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ, dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thủy lợi;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm, chương trình, dự án, đề án và công trình quan trọng quốc gia về thủy lợi;

c) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ, quy phạm kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành thủy lợi.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiêu chuẩn quốc gia để đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định, công bố.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về thủy lợi sau khi được phê duyệt hoặc ban hành.

5. Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản quy phạm nội bộ, văn bản cá biệt thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục; thẩm định và công bố tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành.

6. Phê duyệt các dự án điều tra cơ bản, dự án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi các vùng, liên tỉnh, các hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp, phục vụ đa mục tiêu gắn với các ngành kinh tế - xã hội.

7. Về khai thác, sử dụng và bảo vệ công trình thủy lợi, cấp thoát nước, nước sạch nông thôn:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy trình điều tiết nước cho hồ chứa nước thủy lợi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phương án bảo đảm an toàn hồ chứa; thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn và có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; giải quyết các tranh chấp phát sinh theo quy định của pháp luật;

c) Cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, xả nước thải vào hệ thống thủy lợi theo quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo việc lập kế hoạch xây dựng, quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình cấp, thoát nước nông thôn.

8. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo thẩm quyền việc đầu tư, xây dựng, tu bổ, nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi, kiên cố hoá đê điều, cấp thoát nước, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Quản lý và tổ chức thực hiện các dự án theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

9. Về công tác phòng, chống tác hại do nước gây ra:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biện pháp huy động nguồn lực, vật tư, phương tiện để phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, úng, ngập, xâm nhập mặn, sạt lở, ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống thủy lợi; xử lý sự cố công trình thủy lợi;

b) Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, úng ngập, xâm nhập mặn, xử lý sự cố công trình thủy lợi bảo đảm sản xuất, khắc phục hậu quả úng ngập, hạn hán, xâm nhập mặn và giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống thủy lợi.

10. Về công tác đê điều:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê trong phạm vi cả nước; phê duyệt quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đê điều của các vùng, miền và cả nước;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố công khai quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê trong phạm vi cả nước; phê duyệt quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đê điều do bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình;

c) Hướng dẫn trình tự, thủ tục lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đê điều;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định chấp thuận việc cấp giấy phép cho những hoạt động đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh, thành phố trở lên theo quy định của pháp luật;